TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15/**2026/DS-ST
Ngày: 19/01/2026
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh;

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Lê Thị Thu Yến;

- Bà Phạm Thị Ngọc Vân;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nhật Minh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp;

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 244/2025/TLST-DS ngày 03/10/2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 452/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 294/2025/QĐ-ST ngày 30 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thái Tr, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp T, xã B, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Tấn Th, sinh năm 2001.

Địa chỉ: ấp Ph, xã An B, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Ngọc T – Thuộc Công ty Luật Trần Tiến, Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long)

- Bị đơn: Chị Tạ Trúc Ng, sinh năm 2000.

Địa chỉ: khu phố Ph1, phường Tr, tỉnh Đồng Tháp.

(có mặt anh Th, vắng mặt ông Tiến, chị Ng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn bà Lê Thị Thái Tr và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Tấn Th trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà Tr có cho chị Tạ Trúc Ng vay tiền 04 lần thông qua các hợp đồng vay tiền được lập thành văn bản và được công chứng, chứng thực đúng quy định. Cụ thể như sau:

1. Ngày 28/05/2024, chị Ng vay số tiền gốc là 150.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền được công chứng số 4565 quyển số 01/2024TP/CC- SCC/HDGD.

Thời hạn vay là 45 ngày. Thỏa thuận lãi suất không vượt quá lãi suất của nhà nước 1,66%/tháng.

2. Ngày 21/06/2024, chị Ng vay số tiền gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) theo hợp đồng vay tiền được công chứng số 5390, quyển số 01/2024TP/CC-SCC/HĐGD. Thời hạn vay là 07 ngày. Thỏa thuận lãi suất không vượt quá lãi suất của nhà nước 1,66%/ tháng.

3. Ngày 14/05/2024, chị Ng vay số tiền gốc là 735.000.000 đồng (Bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng) theo hợp đồng vay tiền được công chứng số 7122 quyển số 01/2024TP/CC-SCC/HĐGD. Thời hạn vay là 30 ngày. Thỏa thuận lãi suất không vượt quá lãi suất của nhà nước 1,66%/tháng.

4. Ngày 07/06/2024, chị Ng vay số tiền gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) theo hợp đồng vay tiền được công chứng số 4884, quyển số 01/2024TP/CC-SCC/HĐGD. Thời hạn vay là 30 ngày. Thỏa thuận lãi suất không vượt quá lãi suất của nhà nước 1,66%/tháng.

Kể từ khi chị Ng nhận đủ số tiền vay là 1.135.000.000 đồng (Một tỷ một trăm ba mươi lăm triệu đồng) thì không thực hiện nghĩa vụ trả lãi và gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng. bà Tr đã cố gắng liên hệ nhiều lần nhưng chị Ng né tránh và sau đó cắt đứt liên lạc nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chị Tạ Trúc Ng trả số tiền vay 1.135.000.000 đồng và tính lãi từ ngày vay đến khi xét xử với lãi suất 1,66%/tháng, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Quá trình giải quyết vụ án chị Tạ Trúc Ng mặc dù được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thái Tr.

* Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là anh Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nay bà Lê Thị Thái Tr yêu cầu chị Ng trả tổng số tiền vốn vay là 1.135.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh của bốn khoản vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 1.66%/tháng từ tháng 07/2021 đến khi xét xử là 375.552.200 đồng. Tổng cộng tiền vốn và lãi là 1.510.552.200 đồng, yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Lê Thị Thái Tr khởi kiện yêu cầu chị Tạ Trúc Ng trả số tiền vay, xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[2] Bị đơn chị Tạ Trúc Ng cư trú trên địa bàn phường Tr nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự:

Toà án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định, bị đơn chị Tạ Trúc Ng vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ, do đó Toà án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thái Tr, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Tr khởi kiện yêu cầu chị Ng trả số tiền gốc 1.135.000.000 đồng và lãi suất phát sinh do chậm trả. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà Tr cung cấp cho Tòa án 04 (Bốn) Hợp đồng vay tiền lập vào các ngày 28/5/2024, 21/6/2024, 14/5/2024 và 07/6/2024 có công chứng tại Văn phòng công chứng Cửu Long và Văn phòng công chứng Lâm Thị Minh Nguyệt.

[4.1] Đối với số tiền vay 735.000.000 đồng (Bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng). Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Hợp đồng vay tiền công chứng số 7122 quyển số 01/2024TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Lâm Thị Minh Nguyệt giữa bà Lê Thị Thái Tr với chị Tạ Trúc Ng. Xét hợp đồng nêu trên thể hiện nội dung "Bên A (Lê Thị Thái Tr) đồng ý cho bên B (Tạ Trúc Ng) vay số tiền 735.000.000 đồng… Thời hạn vay: 01 (Một) tháng". Xét thấy, hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Do đó, việc chị Tạ Trúc Ng không thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ đối với bà Lê Thị Thái Tr.

[4.2] Đối với số tiền vay 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Hợp đồng vay tiền công chứng số 4565 quyển số 01/2024TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Cửu Long giữa bà Lê Thị Thái Tr với chị Tạ Trúc Ng. Xét hợp đồng nêu trên thể hiện nội dung "Bên A (Lê Thị Thái Tr) đồng ý cho bên B (Tạ Trúc Ng) vay số tiền 150.000.000 đồng… Thời hạn vay: 45 (Bốn mươi lăm) ngày". Xét thấy, hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Do đó, việc chị Tạ Trúc Ng không thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ đối với bà Lê Thị Thái Tr.

[4.3] Đối với số tiền vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Hợp đồng vay tiền công chứng số 5390 quyển số 01/2024TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Cửu Long giữa bà Lê Thị Thái Tr với chị Tạ Trúc Ng. Xét hợp đồng nêu trên thể hiện nội dung "Bên A (Lê Thị Thái Tr) đồng ý cho bên B (Tạ Trúc Ng) vay số tiền 100.000.000 đồng… Thời hạn vay: 07 (Bảy) ngày". Xét thấy, hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Do đó, việc chị Tạ Trúc Ng không thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ đối với bà Lê Thị Thái Tr.

[4.4] Đối với số tiền vay 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Hợp đồng vay tiền công chứng số 4884 quyển số 01/2024TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Lâm Thị Minh Nguyệt giữa bà Lê Thị Thái Tr với chị Tạ Trúc Ng. Xét hợp đồng nêu trên thể hiện nội dung "Bên A (Lê Thị Thái Tr) đồng ý cho bên B (Tạ Trúc Ng) vay số tiền 150.000.000 đồng… Thời hạn vay: 01 (Một) tháng". Xét thấy, hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Do đó, việc chị Tạ Trúc Ng không thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ đối với bà Lê Thị Thái Tr.

Quá trình tố tụng chị Tạ Trúc Ng đã được Toà án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng các bị đơn không gửi các văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các phiên hoà giải và không đến dự phiên toà, xem như không phản đối yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thái Tr: Buộc chị Tạ Trúc Ng có trách nhiệm trả tổng số tiền vay gốc 1.135.000.000 đồng (Một tỷ một trăm ba mươi lăm triệu đồng).

[4.5] Về tiền lãi:

Do chị Ng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Tr yêu cầu tính lãi số tiền vay theo với mức lãi suất 1.66%/tháng tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm theo thoả thuận tại các Hợp đồng vay tiền nêu trên: "Lãi suất do hai bên tự thoả thuận (không vượt quá quy định của pháp luật", cụ thể:

- Đối với số tiền vay 150.000.000 đồng yêu cầu tính lãi từ ngày vay 28/5/2024 đến khi xét xử sơ thẩm là 19 tháng 23 ngày với số tiền lãi là 49.219.000 đồng.
- Đối với số tiền vay 100.000.000 đồng yêu cầu tính lãi từ ngày vay 21/6/2024 đến khi xét xử sơ thẩm là 18 tháng 29 ngày với số tiền lãi là 31.484.000 đồng.
- Đối với số tiền vay 735.000.000 đồng yêu cầu tính lãi từ ngày vay 14/5/2024 đến khi xét xử sơ thẩm là 20 tháng 06 ngày với số tiền lãi là 246.460.200 đồng.
- Đối với số tiền vay 150.000.000 đồng yêu cầu tính lãi từ ngày vay 07/6/2024 đến khi xét xử sơ thẩm là 19 tháng 13 ngày với số tiền lãi là 48.389.000 đồng.

Xét việc tính lãi theo yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở theo thoả thuận tại Hợp đồng vay tiền (Không vượt quá quy định pháp luật là 20%/năm), bị đơn không có ý kiến hay tài liệu, chứng cứ chứng minh về thoả thuận lãi suất khác nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Tr. Số tiền lãi mà bị đơn Tạ Trúc Ng có nghĩa vụ trả tổng cộng là 375.552.200 đồng.

[4.6] Về thời gian trả: Bà Tr yêu cầu chị Ng trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của bà Tr được chấp nhận nên chị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 ; khoản 3 Điều 228, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thái Tr.

Buộc chị Tạ Trúc Ng có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Thái Tr số tiền vay là 1.135.000.000 đồng (Một tỷ một trăm ba mươi lăm triệu đồng) và lãi suất phát sinh là 375.552.200 đồng. Tổng cộng là 1.510.552.200 đồng (Một tỷ năm trăm mười triệu năm trăm năm mươi hai ngàn hai trăm đồng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ Về án phí: Chị Tạ Trúc Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 57.317.000 đồng (Năm mươi bảy triệu ba trăm mười bảy ngàn đồng).

Hoàn lại cho bà Lê Thị Thái Tr số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.182.000 đồng theo biên lai thu số 0003426 ngày 03/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với bị đơn chị Tạ Trúc Ng vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Quang Minh

TAND KHU VỰC 1
3NG190126.TL.QDBA
184